

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/DS-ST
Ngày 31-5-2021
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền

Các Hội Thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Phước

Ông Hà Văn Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Thắng là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng góp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Minh T, sinh năm 1992 (có mặt). Địa chỉ: Số M đường Đ, khóm N, phường B, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 04/02/2021).

- Bị đơn: Bà Lý Thị Kim N, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường P, khóm B, phường T, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lâm Thị Kim H, sinh năm: 1976 (vắng mặt). Địa chỉ: Số B, đường P, khóm B, phường T, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/02/2021 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Võ Minh T trình bày:

Bà Nguyễn Thị M là chủ hội, vào ngày 26/02/2020 (nhằm ngày 04/02/2020 âm lịch) bà M có mở một dây hội 1.000.000 đồng, kỳ mở hội mỗi tháng một lần, mở hội lần đầu vào ngày 26/02/2020, đến ngày 26/11/2023 là kết thúc, dây hội có 46 phần, có 20 hội viên, bà N tham gia 01 phần, bà N hót hội lần thứ năm, số tiền hót hội là 22.600.000 đồng, bà M trừ đầu thảo 500.000 đồng còn lại 22.100.000 đồng, bà M đã giao đủ cho bà N. Theo thỏa thuận thì bà N phải đóng hội chết cho bà M số tiền mỗi tháng là 1.000.000 đồng, nhưng bà N đóng hội chết được 07 kỳ, đến tháng 10/2020 thì ngưng không đóng nữa. Tính đến ngày nộp đơn khởi kiện 04/02/2021 thì bà N còn nợ hội chết 05 kỳ là 5.000.000 đồng (từ tháng 10/2020 đến ngày 04/02/2021), nhưng trong đơn khởi kiện ngày 04/02/2021 bà M yêu cầu bà N thanh toán số tiền 38.000.000 đồng là kể cả phần bà N chưa vi phạm nghĩa vụ, nên tại phiên tòa ông T xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà N hoàn trả số tiền nợ hội chưa thanh toán là 5.000.000 đồng (từ tháng 10/2020 đến tháng 02/2021).

- Tại phiên hòa giải ngày 01/4/2021, bị đơn bà Lý Thị Kim N trình bày:

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M vì bà không có tham gia chơi hội của bà M. Bà Lâm Thị Kim H (địa chỉ: Số B, đường P, khóm B, phường T, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng) là mẹ ruột của bà có tham nhiều dây hội cho bà M làm chủ. Vào ngày 26/02/2020 (nhằm ngày 04/02/2020 âm lịch) bà H có tham gia dây hội 1.000.000 đồng (có 46 phần), dây hội có 20 hội viên, bà H tham gia 01 phần. Sau đó bà H có hót hội lần thứ năm, số tiền ra hội 560.000 đồng. Trước khi giao tiền hội cho bà H, thì bà M có kêu bà đến nhà của bà M ký tên vào giấy nhận tiền hội thì bà M mới đồng ý giao tiền cho bà H, do bà H đã hót nhiều chân hội trước đó, bà thừa nhận có ký tên vào giấy nhận số tiền hội là 22.100.000 đồng. Lý do bà ký tên vào giấy nhận tiền hội là do bà H đang kẹt tiền nên bà H nhờ bà ký tên vào giấy nhận tiền hội để bà M giao tiền hội cho bà H chứ thực tế bà không có tham gia chơi hội của bà M và bà cũng không có nhận số tiền hội 22.100.000 đồng mà người nhận tiền là bà H.

- Tại phiên hòa giải ngày 05/5/2021, quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Kim H trình bày:

Bà là mẹ ruột của bà Lý Thị Kim N, bà có tham nhiều dây hội do bà M làm chủ. Vào ngày 26/02/2020 (nhằm ngày 04/02/2020 âm lịch) bà có tham gia dây hội 1.000.000 đồng (có 46 phần), dây hội có 20 hội viên, bà tham gia 01 phần. Sau đó bà có hót hội lần thứ năm, số tiền ra hội 560.000 đồng. Trước khi giao tiền hội cho bà thì bà M có kêu con gái bà là bà N đến nhà của bà M ký tên vào giấy nhận tiền hội thì bà M mới đồng ý giao tiền cho bà, chữ ký trong tờ biên nhận tiền là của bà N. Lý do bà N ký tên vào giấy nhận tiền hội là do bà nhờ bà N ký để bà M giao tiền hội cho bà chứ thực tế bà N không có tham gia chơi hội của bà M và bà N cũng không có nhận số tiền hội 22.100.000 đồng từ

bà M. Bà đồng ý trả cho bà M số tiền 5.000.000 đồng, nhưng hiện nay hoàn cảnh bà đang gặp khó khăn không có tiền trả và bà bị kiện nhiều vụ, bà chờ có kết quả giải quyết hết rồi sẽ tìm nguồn tiền trả cho bà M.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng trình bày ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71; 72; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ, tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu sau: Bản chính biên nhận ghi hui khai ngày 04/02/2020 AL bên giao tiền Nguyễn Thị M, bên nhận tiền Lý Thị Kim N, hốt số tiền 22.100.000 đồng (viết tay màu mực xanh, một mặt trên giấy tập học sinh).

Những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Bị đơn bà Lý Thị Kim N thừa nhận chữ ký trong tờ biên nhận nhận tiền hui, do nguyên đơn cung cấp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Kim H thừa nhận còn nợ nguyên đơn bà Nguyễn Thị M số tiền nợ hui 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ hui và bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn bà Lý Thị Kim N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[1.3] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ hui là 38.000.000 đồng nhưng phần nợ hui này có một phần là 33.000.000 đồng chưa đến hạn thanh toán, tính đến ngày khởi kiện bị đơn chỉ vi phạm không đóng 05 kỳ hui chết là 5.000.000 đồng, nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hui là 5.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là tự nguyện phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do nguyên đơn cung cấp, căn cứ Khoản 2 Điều 92; Khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận trên thực tế giữa bà M và bà H, bà N có giao kết hợp đồng góp hui ngày 26/02/2020 (nhằm ngày 04/02/2020 âm lịch). Theo đó, bà H tham gia dây hui 1.000.000 đồng (có 46 phần), dây hui có 20 hui viên, bà H tham gia 01 phần, bà H đã hót hui lần thứ năm, nhận được số tiền 22.100.000 đồng, có biên nhận nhận tiền hui do bà N ký nhận số tiền 22.100.000 đồng. Theo thỏa thuận thì bà N, bà H phải đóng tiền hui chết cho bà M mỗi tháng 1.000.000 đồng, đóng đến 26/11/2023. Nhưng sau khi hót hui thì bà N, bà H chỉ đóng hui chết cho bà M được 07 kỳ đến tháng 10/2020 thì ngưng không đóng nữa. Tại phiên hòa giải ngày 05/5/2021 bà H thừa nhận tính đến ngày khởi kiện thì bà H còn nợ bà M số tiền hui 5.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này, nhưng xin gia hạn một thời gian nữa sẽ tìm nguồn trả cho bà M. Đồng thời, bà N và bà H thừa nhận chữ ký trong tờ biên nhận tiền hui là của bà N. Xét thấy, nguyên đơn căn cứ vào biên nhận, nhận tiền hui để khởi kiện bị đơn bà N, bà N thừa nhận chữ ký trong tờ biên nhận tiền hui do nguyên đơn cung cấp là của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H thừa nhận số tiền hui 22.100.000 đồng là do bà H nhận và đã đóng tiền hui chết 07 kỳ cho bà M. Xét thấy, bà M đã thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ hui là giao tiền hót hui đầy đủ cho bà H, bà N nhưng bà H, bà N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của hui viên là đóng đầy đủ các phần hui chết cho bà M vào mỗi kỳ khai hui. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà N và bà H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà M số tiền hui còn nợ tính đến ngày 04/02/2021 là 5.000.000 đồng là phù hợp với Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015.

[3] Như đã phân tích nêu trên lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí trên trên phần có nghĩa vụ thanh toán cho

nguyên đơn. Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của **Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Điều 95, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 244, Khoản 2, Điều 227; Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 16, Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu phưởng; Khoản 2 Điều 26 của **Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.**

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

2. Buộc bị đơn bà Lý Thị Kim N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Kim H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị M tiền nợ hội tính đến ngày 04/02/2021 là 5.000.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 950.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009561 ngày 22/2/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn bà Lý Thị Kim N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Kim H phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

4. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Lý Thị Kim N, bà Lâm Thị Kim H phải trả lãi cho bà Nguyễn Thị M theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm

2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- Thi hành án DS - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Thị Bích Tuyền